

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2017/HNGĐ-PT

Ngày 21-9-2017

V/v tranh chấp chia tài sản
sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thông;

Các Thẩm phán:

Ông Lương Đức Dương;

Ông Nguyễn Văn Thuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2017/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017 về “*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 05/2017/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 52/2017/QĐ-PT ngày 11 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lộc Thị S; địa chỉ: thôn 19, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Lăng Thị T1; địa chỉ: tổ dân phố 7, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 30/5/2016) - Có mặt.

- Bị đơn: Ông Lăng Văn Đ; địa chỉ: thôn 19, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Lăng Thị T1; địa chỉ: tổ 7, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Chị Lăng Thị T2; địa chỉ: thôn 5, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Chị Lăng Thị T3; địa chỉ: thôn 10, xã Đ2, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Chị Lăng Thị K, địa chỉ: thôn 19, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Anh Hoàng Nông T; bà Hoàng Thị X; bà Lý Thị T và anh Lăng Văn M – đều vắng mặt nhưng không liên quan đến nội dung kháng cáo.

Cùng địa chỉ: thôn 19, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

- *Người làm chứng:*

Ông Lê Đình T; bà Cao Thị Đ; ông Mai Văn C; cùng địa chỉ: thôn 19, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông – đều vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn bà Lộc Thị S và bị đơn ông Lăng Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/11/2015 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lộc Thị S trình bày:

Bà và ông Lăng Văn Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1980, không đăng ký kết hôn. Năm 2001 ông Đ lấy vợ là Lý Thị T, sau đó ông bà sống ly thân, đến năm 2015, bà làm đơn xin ly hôn đã được Toà án nhân dân huyện C giải quyết theo Quyết định số: 34/2015/QĐST-HN&GD ngày 19/6/2015. Tài sản chung ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình chung sống, ông bà tạo lập được một số tài sản:

- 01 thửa đất trồng cây lâu năm (đất rẫy) diện tích 3,6ha, trên đất đã làm 01 căn nhà gỗ, 01 chuồng trâu bằng gỗ, giếng nước, trồng cây điều, một số cây ăn quả.

- Đất nông nghiệp trồng lúa diện tích khoảng hơn 7,9 sào. Toàn bộ diện tích đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại thôn 19, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Năm 2004 bà S và ông Đ đã tự thỏa thuận bằng lời nói chia tài sản đối với hai thửa đất trên, cụ thể: Diện tích 3,6ha chia đôi mỗi người được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$, bà S được chia bên phần đất có nhà ở. Diện tích đất ruộng chia cho ông Đ được quyền sử dụng 04 sào, bà S được quyền sử dụng 3,9 sào. Năm 2005, bà S đã kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất bà được chia, ngày 27/12/2005 đã được UBND huyện C cấp giấy CNQSD đất số AG 362682, thửa đất số 115, tờ bản đồ số 38, diện tích 18912m² và giấy CNQSD đất số AG 862681, thửa đất số 283, 284, tờ bản đồ số 47, diện tích 3923m² đứng tên hộ bà Lộc Thị S.

Cuối năm 2004, ông Đ đã chuyển nhượng cho ông Lê Đình T, bà Cao Thị Đ diện tích đất rẫy khoảng 01ha và phần đất ruộng 04 sào. Chuyển nhượng cho ông Mai Văn C, bà Bùi Thị Hồng Y diện tích đất rẫy khoảng 08 sào. Khi chuyển nhượng có viết giấy, bà S không ký vì đất đã được chia nên bà không có quyền ký hoặc nhận tiền, ông Đ nhận tiền cùng với mẹ con bà Lý Thị T sang Gia Lai mua đất làm ăn. Do không làm ăn được, năm 2006 trở về huyện C mượn đất của em trai sinh sống, cuối năm 2013 đưa mẹ con bà T đến giành lấy nhà và đất của bà để ở và

sử dụng. Nay bà khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Đ phải trả lại toàn bộ diện tích đất nêu trên.

Bị đơn ông Lãng Văn Đ trình bày:

Ông thừa nhận trong thời gian ông và bà S chung sống với nhau đã tạo lập được một số tài sản như bà S đã trình bày, ông không thừa nhận có việc đã chia đất. Năm 2004 ông chuyển nhượng đất cho gia đình ông Lê Đình T và ông Mai Văn C để lấy tiền trả nợ công san ủi đất, chuyển nhượng trong thời gian ông và bà đang chung sống với nhau. Ông thừa nhận có mang 5.000.000 đồng và đưa mẹ con bà T sang Gia Lai mua đất làm ăn, nhưng do không làm ăn được nên phải trở về huyện C sinh sống. Năm 2013, sau khi tổ chức đám cưới chị T3 (con gái) xong, ông và mẹ con bà T về nhà ở từ đó đến nay. Ông xác định toàn bộ diện tích đất hiện nay ông đang sử dụng là tài sản chung của vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, yêu cầu Toà án chia đôi cho mỗi người được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích.

Trong thời gian ông đi làm ăn ở Gia Lai thì bà S tự ý đăng ký làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không thông báo cho ông, sau đó ông mới biết nên vào ngày 22/09/2005 (*âm lịch*), ông và bà đã cùng ký 01 Giấy khế ước (*cam kết*) về việc bà S là người đại diện đứng tên làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên mọi quyết định về tài sản đều phải có sự đồng ý của hai vợ chồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lãng Thị T1 trình bày:

Chị thống nhất với ý kiến của bà S đã trình bày không bổ sung gì thêm. Tuy nhiên, do bà S không biết chữ, nên chị cùng với bà S đi đăng ký kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thời điểm đó ông Đ không có mặt ở địa phương nên không biết, chị trực tiếp ký vào đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/10/2005. Chị không biết gì về việc ông Đ, bà S ký Giấy khế ước (*cam kết*) ngày 22/09/2005 (*âm lịch*). Đối với diện tích đất trên, chị không có công sức đóng góp, nên không có yêu cầu gì.

Bà Hoàng Thị X trình bày:

Đối với lô đất rẫy diện tích khoảng 3,6 hecta, năm 2004 ông Đ chuyển nhượng cho ông Lê Đình T, bà Cao Thị Đ khoảng 01 hecta, chuyển nhượng cho ông Mai Văn C khoảng 8 sào, ông Đ chuyển nhượng để cân trừ nợ, giá chuyển nhượng bao nhiêu thì bà không biết, còn lại khoảng 1,8 hecta và lô đất trồng lúa bà S đã đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chữ ký mang tên Hoàng Thị X trong Giấy khế ước (*cam kết*) ngày 22/09/2005 (*âm lịch*) đúng là của bà, nội dung cam kết bà không nhớ, chỉ nhớ những người tham gia có bà, ông Vi Tuyên H (*người viết giấy, đã chết*), ông Đ, bà S, ông Lãng Hải V (*em trai ông Đ*) và các con chung của ông Đ, bà S cùng chứng kiến, tuy nhiên chỉ có bà, ông Đ và bà S ký tên. Bà không nhớ rõ là bà S hay chị T1 ký giúp bà S vào Giấy khế ước. Chữ ký trong đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/10/2005 không phải của

bà. Bà xác định các thửa đất trên là tài sản chung của ông Đ, bà S, bà không có công sức đóng góp, nên không có yêu cầu gì.

Chị Lăng Thị K, anh Hoàng Nông T, chị Lăng Thị T2 và chị Lăng Thị T3 đều xác định không có công sức đóng góp vào các thửa đất hiện nay đang tranh chấp, nên không có yêu cầu gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Bà Lý Thị T và anh Lăng Văn M trình bày:

Bà có biết ông Đ chuyển nhượng quyền sử dụng đất để trả nợ, còn dư được khoảng 5.000.000 đồng. Đầu năm 2005, ông Đ đã dùng số tiền này cùng gia đình sang Gia Lai mua đất làm ăn, nhưng không làm ăn được, nên cuối năm 2005 trở về huyện C sinh sống đến nay. Đối với các thửa đất trên bà và anh M không có công sức đóng góp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 05/2017/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lộc Thị S. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Lộc Thị S về chia tài sản gắn liền với đất; công nhận sự thỏa thuận của bà Lộc Thị S và ông Lăng Văn Đ, cụ thể:

Bà Lộc Thị S được sử dụng thửa đất lúa số 283 có diện tích 2.083m², tọa lạc tại thôn 19, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông, thuộc tờ bản đồ số 47, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 362681 mang tên hộ bà Lộc Thị S do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 27/12/2005, có tứ cận: phía Bắc giáp phần đất của ông Lăng Văn Đ, phía Nam giáp khe suối và đất của ông C, phía Tây giáp khe suối, phía Đông giáp đất của ông Vi Văn C.

Ông Lăng Văn Đ được sử dụng thửa đất lúa số 284 có diện tích 1.840m², tọa lạc tại thôn 19, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông, thuộc tờ bản đồ số 47, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 362681 mang tên hộ bà Lộc Thị S do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 27/12/2005, có tứ cận: Phía Bắc giáp đất của ông Phiên H, phía Nam giáp phần đất của bà Lộc Thị S, phía Tây giáp khe suối, phía Đông giáp đất của ông Vi Văn C.

Chia cho bà Lộc Thị S được sử dụng diện tích 9.456m² đất rẫy, tọa lạc tại thôn 19, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông, thuộc thửa số 115, tờ bản đồ số 38, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 362682 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 27/12/2005 cho hộ bà Lộc Thị S, có tứ cận: phía Bắc giáp đường liên thôn, phía Nam giáp đường đất của ông Lê Đình T, phía Đông giáp đường mòn vào rẫy, phía Tây giáp phần đất chia cho ông Lăng Văn Đ.

Chia cho ông Lăng Văn Đ được sử dụng diện tích 9.456m² đất rẫy, tọa lạc tại thôn 19, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông, thuộc thửa số 115, tờ bản đồ số 38, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 362682 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 27/12/2005 cho hộ bà Lộc Thị S, có tứ cận: phía Bắc giáp đường liên thôn,

phía Nam giáp đường đất của ông Lê Đình T, phía Đông giáp phần đất chia cho bà Lộc Thị S, phía Tây giáp đường mòn vào thôn 20 và nghĩa địa.

Bà S và ông Đ có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/6/2017, bị đơn ông Lăng Văn Đ kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho ông được nhận phần đất có nhà ở, ông không chấp nhận nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Ngày 09/6/2017, nguyên đơn bà Lộc Thị S kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, buộc ông Lăng Văn Đ phải trả lại toàn bộ diện tích đất nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Lộc Thị S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn ông Lăng Văn Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 308, Điều 309, khoản 2 Điều 310, Điều 311 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lộc Thị S và ông Lăng Văn Đ. Huỷ, đình chỉ giải quyết về nội dung chia thừa đất số 115, tờ bản đồ số 38; sửa phần nội dung theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi tài sản của bà Lộc Thị S đồng thời sửa phần án phí liên quan đến nội dung huỷ, đình chỉ xét xử và sửa bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của bà Lộc Thị S và ông Lăng Văn Đ; căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Đơn khởi kiện ngày 03/11/2015 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lộc Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lăng Văn Đ phải trả lại toàn bộ khối tài sản mà bà được chia gồm: thửa đất nông nghiệp diện tích 18.912m², thửa đất số 115, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 283, 284 diện tích 3.923m² đã được cấp giấy CNQSD đất đứng tên hộ bà Lộc Thị S. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*” là không đúng theo nội dung yêu cầu khởi kiện.

[2]. Quá trình giải quyết và tại phiên toà phúc thẩm bà S xác định vào năm 2004 bà và ông Đ đã tự thoả thuận bằng lời nói chia thừa đất diện tích đất 3,6 ha và thửa đất ruộng diện tích khoảng 7.900m² là tài sản chung của vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, mỗi người được quyền quản lý, sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích. Sau khi được chia, đến cuối năm 2004 ông Đ đã chuyển nhượng cho ông T, bà Đ một phần đất rẫy khoảng 01 ha và diện tích đất ruộng. Diện tích đất rẫy còn lại khoảng 8.000m² chuyển nhượng cho ông C, bà Y. Sau khi chuyển nhượng bà mới biết nhưng do đất đã được chia nên bà không có ý kiến gì, ông Đ cũng không báo cho bà biết việc chuyển nhượng đất, tiền chuyển nhượng đất ông Đ cùng với mẹ con bà T sang Gia Lai mua đất làm ăn. Năm 2005 bà đã kê khai và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSD đất đứng tên hộ bà Lộc Thị S. Do không làm ăn được nên ông Đ trở về huyện C sinh sống, đến cuối năm 2013 đến chiếm nhà và đất của bà S ở và sử dụng từ đó đến nay.

[3]. Ông Đ thừa nhận vào năm 2004, ông có chuyển nhượng đất cho ông T, bà Đ và ông C, bà Y như bà S đã trình bày ở trên. Tuy nhiên, thời điểm chuyển nhượng ông bà vẫn đang chung sống với nhau. Mục đích chuyển nhượng đất để lấy tiền trả nợ công mức đất và sử dụng chi tiêu trong gia đình, còn 5.000.000đ ông mang sang Gia Lai mua đất làm ăn. Toà án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ và xác minh làm rõ tại thời điểm ông Đ chuyển nhượng đất có sự thoả thuận thống nhất của bà S hay không, tại sao giấy sang nhượng đất không có chữ ký của bà S, ông bà có nợ tiền mức đất không, nợ của ai, số tiền cụ thể, sau khi trả nợ số tiền còn lại ông sử dụng vào việc gì đồng thời làm rõ về công sức đóng góp vào khối tài sản chung, để làm căn cứ xem xét khi giải quyết chia tài sản chung sau khi ly hôn đảm bảo đúng pháp luật.

[4]. Ông Đ không thừa nhận có việc chia đất như lời khai của bà S, ông xác định diện tích đất hiện nay đang tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân và yêu cầu được chia đôi, nhưng ông không làm đơn phản tố và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật mà Toà án cấp sơ thẩm vẫn chia đôi số tài sản chung cho ông Đ, bà S mỗi người được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ là vi phạm Điều 195, Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]. Do bà S xác định số tài sản hiện nay đang tranh chấp là của bà được chia trước đây, nay bị ông Đ chiếm, nên bà khởi kiện yêu cầu ông Đ phải trả lại. Vì vậy, ngày 12/4/2016, bà S làm đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu giải quyết đối với tài sản trên đất. Lẽ ra, Toà án cấp sơ thẩm phải giải thích bằng văn bản cho đương sự biết việc đòi lại tài sản hoặc chia tài sản là quyền sử dụng đất thì phải giải quyết luôn toàn bộ tài sản gắn liền với đất, mới giải quyết dứt điểm được vụ án và đảm bảo cho công tác thi hành án. Toà án cấp sơ thẩm phân chia cho ông Đ, bà S mỗi người được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất trồng cây lâu năm, nhưng trên phần đất giao cho bà S được quyền sử dụng có căn nhà hiện nay gia đình ông

Đ, bà T đang sử dụng nhưng chưa được giải quyết. Mặt khác, quyết định của bản án không tuyên rõ số liệu của các cạnh, dẫn đến bản án không thi hành được.

[6]. Do những vi phạm và thiếu sót nêu trên của Toà án cấp sơ thẩm, tại phiên toà phúc thẩm Hội đồng xét xử không thể thực hiện bổ sung được. Đó đó, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lăng Văn Đ và bà Lộc Thị S. Huỷ bản án sơ thẩm số 05/2017/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông; chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện C giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là chưa phù hợp.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, nên ông Lăng Văn Đ, bà Lộc Thị S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho ông Đ, bà S số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Huỷ bản án sơ thẩm số: 05/2017/HNGĐ-ST ngày 25/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông; chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện C giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Lăng Văn Đ, bà Lộc Thị S mỗi người 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003308 ngày 01/6/2017 và biên lai số 0003341 ngày 21/6/2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Phạm Thị Thông